

PHÂN TÍCH CÁC BƯỚC CỦA CHU TRÌNH NGÂN SÁCH CÁC NƯỚC TRONG THỰC TRẠNG HOÀN THIỆN CHU TRÌNH NGÂN SÁCH TẠI VIỆT NAM

Chu trình ngân sách là hoạt động ngân sách trong năm của Nhà nước đối với các hoạt động thu chi ngân sách. Trong bối cảnh bội chi ngân sách hiện nay của Việt Nam, đặt mục tiêu phát triển nền quản trị tài chính công hiện đại, minh bạch, công khai và tăng cường trách nhiệm giải trình với sự tham gia giám sát của cộng đồng vào chu trình ngân sách thì việc tạo ra hành lang pháp lý hoàn chỉnh trong quy trình ngân sách là rất cần thiết.

Trong chuyên đề này xin phân tích một số bước trong chu trình ngân sách của các trên thế giới và thực trạng chu trình ngân sách ở Việt Nam để các đại biểu, các nhà nghiên cứu có thêm thông tin và một số cách nhìn khác về các khâu trong chu trình ngân sách giúp ích cho việc xây dựng hành lang pháp lý và giám sát thực hiện ngân sách Nhà nước.

Về lý luận, chu trình chấp hành ngân sách Nhà nước nhằm đảm bảo tuân thủ với dự toán ngân sách được Quốc hội phê duyệt hàng năm, trong đó năm ngân sách được xác định từ ngày mùng 1/1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc chấp hành ngân sách phải thích ứng với những thay đổi về môi trường kinh tế, giải quyết được các vấn đề gặp phải trong triển khai chương trình; mua sắm hàng hóa và dịch vụ, quản lý các hoạt động một cách hiệu quả; và phòng tránh rủi ro xảy ra lạm dụng và tham nhũng.

Sau khi dự toán ngân sách được Quốc hội thông qua, phân bổ ngân sách trung ương và nghị quyết về tỷ lệ phân trăm phân chia các khoản thu giữa trung ương và địa phương của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bộ tài chính sẽ trình Chính phủ nhiệm vụ thu, chi cho từng lĩnh vực và địa phương theo tỷ lệ. Trong giai đoạn này, Bộ tài chính có nhiệm vụ hướng dẫn thu, chi ngân sách của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước ngày 25/11 năm trước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Tuy nhiên, ở một số nước có những điểm khác biệt nhất định trong chu trình chấp hành ngân sách. Ngay sau khi dự toán ngân sách được cơ quan lập

pháp thông qua, các đơn vị chi tiêu được giao quyền thực hiện và xử lý các giao dịch chi qua các cơ chế khác nhau như ban hành quyết định giao dự toán¹, nghị định và kế hoạch giao dự toán. Thẩm quyền chi tiêu có thể được giao cho toàn bộ năm tài khóa, hoặc theo kỳ ngắn hơn, như hàng quý cho hàng hóa và dịch vụ, tại một số quốc gia thuộc Khối Thịnh vượng chung (Anh). Thủ tục giao thẩm quyền chi bao gồm một số bước trước khi dự toán ngân sách được phân bổ thực tế cho các đơn vị dự toán.

Ví dụ, quyết định giao dự toán có thể được ban hành ở các cấp khác nhau, trong đó Bộ Tài chính² ban hành quyết định giao dự toán cho các bộ ngành và các đơn vị chi tiêu lớn (sau đây gọi chung là “bộ” trừ khi được nêu khác), và các bộ này lại ban hành quyết định giao dự toán con cho các đơn vị chi tiêu trực thuộc. Tại một số quốc gia nói tiếng Pháp, các bộ “giao” thẩm quyền chi tiêu theo một tỷ lệ dự toán được giao cho các đơn vị của họ ở địa phương, thẩm quyền được giao đó được đăng nhập ở dạng các cam kết.

Bộ tài chính một số nước có quyền kiểm soát hoạt động chi ngân sách một cách thận trọng thông qua các thủ tục để đóng băng lại một phần dự toán đã được phê duyệt khi thấy rằng trình tự trong khâu lập dự toán không đúng quy trình chấp hành ngân sách. Việc đóng băng một phần ngân sách được phê duyệt một cách có hệ thống trong thực tế phần nào cũng cho thấy sự thiếu tôn trọng đối với mong muốn của cơ quan lập pháp, bởi ngân sách phải được phân bổ cho các đơn vị chi tiêu ngay sau khi ngân sách được phê duyệt. Tuy nhiên, tại một số quốc gia đang phát triển, việc phân bổ dự toán hoặc chuyển vốn cho các đơn vị chi tiêu có thể mất hàng tuần. Tệ nhất là vốn phân bổ cho các đơn vị chi tiêu vùng xa chỉ được hoàn thành trong quý hai của năm tài khóa. Thông lệ này rất tai hại đối với hiệu suất cung ứng các dịch vụ công.

Theo Điều 44, Luật Ngân sách Nhà nước quy định thời hạn phân bổ ngân sách với từng cấp khác nhau kể từ thời điểm Quốc hội quyết định dự toán ngân sách Nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau, thường được thực hiện trước ngày 15/11 hàng năm.

¹ Gọi là Smetas tại một số quốc gia Liên Xô cũ và Dipas tại Indonesia.

² Trong chương này, thuật ngữ “Bộ Tài chính” dùng để chỉ tổ chức chịu trách nhiệm giám sát các vấn đề ngân sách trong chính phủ, trong khi ở một số ít quốc gia chức năng này thuộc về một bộ khác nằm ngoài Bộ Tài chính.

Sau khi dự toán được giao, các giao dịch tài chính có thể được thực hiện qua một loạt các khâu chuẩn trước khi nghĩa vụ tài chính được phát sinh và thanh toán, bao gồm cam kết chi, thẩm định, đề nghị thanh toán và thanh toán (xem thêm sơ đồ 1).

1. Cam kết chi

Cam kết chi là khâu nghĩa vụ thanh toán trong tương lai phát sinh. Đây là khâu hết sức quan trọng trong quản lý ngân sách vì sau đó, quyết định chi tiêu trở nên có hiệu lực. Cam kết pháp lý được đăng nhập khi có đơn đặt hàng hoặc ký hợp đồng để các loại hàng hóa, dịch vụ, hoặc tài sản vật chất được bàn giao. Một khoản cam kết chi trở thành một nghĩa vụ thanh toán (nghĩa vụ nợ) khi và chỉ khi nhà cung cấp đã tuân thủ các điều khoản của hợp đồng. Nếu hàng hóa không được bàn giao hoặc dịch vụ không được thực hiện, cam kết chi sẽ không trở thành một nghĩa vụ nợ và bị xóa khỏi tài khoản.

Ở Việt Nam, hệ thống kho bạc Nhà nước chính thức triển khai thực hiện cam kết chi từ ngày 1/6/2013 sau khi hệ thống Thông tin quản lý ngân sách và kho bạc hoàn thành triển khai trên phạm vi toàn quốc theo hướng dẫn tại Thông tư số 113/2008/TT-BTC về quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách Nhà nước qua kho bạc Nhà nước.

Theo quy định tại Thông tư số 40/2016/TT- BTC (TT40) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 113/2008/TT- BTC (TT113) của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và kiểm soát CKC, thì cam kết chi là việc đơn vị sử dụng ngân sách cam kết sử dụng dự toán, kế hoạch vốn được giao hàng năm để thanh toán cho hợp đồng đã được ký giữa đơn vị sử dụng ngân sách với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Cam kết chi được tiến hành trên cơ sở phân chia và quản lý theo dự toán giao là cam kết chi thường xuyên với mức hợp đồng trị giá 200 triệu đồng trở lên và cam kết chi đầu tư xây dựng cơ bản với mức hợp đồng trị giá một tỷ đồng trở lên phải tiến hành cam kết chi.

Cùng với việc thực hiện cam kết chi, hoạt động kiểm soát chi ngân sách nhà nước sẽ được chia làm 2 giai đoạn là kiểm soát hồ sơ lúc cam kết chi và kiểm soát hồ sơ khi thanh toán nhằm hỗ trợ cho nhiệm vụ kiểm soát chi, nâng cao chất lượng kiểm soát và giảm áp lực công việc cho công chức kiểm soát chi, đặc biệt vào thời hạn thanh toán của niên độ ngân sách.

Một sự khác biệt cơ bản trong cam kết ngân sách giữa các nước là tính chất của khoản chi liên quan. Tùy theo tính chất, chi tiêu có thể được cam kết pháp lý theo các cách khác nhau để đảm bảo hiệu quả thông qua các biện pháp kiểm soát trong lập và chấp hành ngân sách phải cân nhắc đến các nguồn chi tiêu hợp như đối với hàng hóa và dịch vụ, nhà hàng cung ứng, chi phí đi lại hoặc dự án đầu tư được hoàn thành trong một năm tài khóa, các cam kết pháp lý bao gồm đơn đặt hàng hoặc hợp đồng trong năm. Hoặc đối với các dự án đầu tư lớn hoặc các hoạt động khác cần vài năm để hoàn thành, cam kết pháp lý nhìn chung bao gồm các hợp đồng nhiều năm (ví dụ, hợp đồng xây dựng cơ bản có thời hạn thực hiện trong ba năm. Cam kết đó có thể vượt quá dự toán chi ngân sách thường phân bổ theo năm.

Đối với phần chi cho nhân sự và khoản chi bắt buộc như chi trả lãi và chi chế độ được cam kết về mặt pháp lý qua các văn bản, quy phạm pháp luật hoặc quyết định thường được ban hành trước năm tài khóa hiện hành.

Đối với các khoản chi phục vụ hoạt động hàng ngày như tiền điện, nước thường được cam kết qua các hoạt động hàng ngày hoặc thủ tục không chính thức như gọi điện thoại. Ngoài ra, còn có khoản cam kết chi đối với việc thực hiện hóa các nghĩa vụ nợ dự phòng (như bảo lãnh vay) hoặc các rủi ro tài khóa khác (như chi phí tiềm năng về cứu trợ các doanh nghiệp Nhà nước bị phá sản) có thể là một nguồn chi tiêu lớn.

Tại các nước có cơ chế quản lý tài chính công khác nhau sẽ xác định các yếu tố cấu thành một cam kết chi đối với các cơ quan quản lý khác nhau, tùy thuộc vào bối cảnh chính trị, kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, cần phải phân biệt giữa hai khái niệm cam kết pháp lý và cam kết chi hay cam kết ngân sách. Các quy định của Liên minh châu Âu quy định rằng³ “cam kết ngân sách là một nghiệp vụ nhằm giữ lại phần dự toán cần thiết đảm bảo cho các khoản thanh toán sau đó nhằm tôn trọng một cam kết pháp lý. Cam kết pháp lý là hành vi một cán bộ có thẩm quyền nhập liệu hoặc hình thành một nghĩa vụ dẫn đến một khoản chi trả”. Ý chính ở đây là các cam kết ngân sách mang tính kiểm soát trong phạm vi dự toán được giao sẽ làm hạn chế rủi ro vượt chi nếu

³ Phần 1, Điều 76 (Europa 2010, tr.49)

các cam kết đó tương ứng với khâu sớm nhất trong chu trình chi tiêu, là khâu ghi nhận một quyền đòi hỏi với dự toán được giao.

Một số cam kết pháp lý có thể bao gồm giai đoạn nhiều năm, đặc biệt là chi đầu tư, để giám sát và kiểm soát hiệu quả những cam kết đó, một số quốc gia châu Âu đưa vào dự toán ngân sách cả dự toán thanh toán và dự toán/thẩm quyền cam kết. Thẩm quyền cam kết nhằm xác định hạn mức trần về số tiền trong hợp đồng có thể được xử lý trong năm đó. Thẩm quyền này cho phép ký kết hợp đồng, nhưng không cho phép thanh toán trong các hợp đồng được ký kết. Chỉ có dự toán thanh toán năm mới cho phép thực hiện các khoản thanh toán đó.

Tuy nhiên, ngân sách của nhiều quốc gia không bao gồm thẩm quyền cam kết nhiều năm. Tại các quốc gia đó, cam kết ngân sách hoặc là các nghĩa vụ đã phát sinh (ví dụ, hóa đơn) hoặc là phần trong năm của cam kết pháp lý nhiều năm (ví dụ, công trình đường bộ được lập kế hoạch cho năm tài khóa đó). Tình huống như vậy đòi hỏi, để lập kế hoạch chi và kiểm soát ngân sách hiệu quả, phải giám sát chặt chẽ các cam kết pháp lý nhiều năm bên cạnh cam kết ngân sách theo năm. Cam kết nhiều năm cần phải báo cáo lên Bộ Tài chính.

Cuối cùng, vì cam kết ngân sách có thể khác nhau, định nghĩa về cam kết cần được xác định chính xác trong các quy định về tài chính, theo từng nội dung chi.

2. Thẩm định ngân sách

Khâu thẩm định diễn ra ngay sau khi bàn giao hàng hóa và dịch vụ. Khâu này nhằm đảm bảo hàng hóa bàn giao hoặc dịch vụ thực hiện và hóa đơn liên quan phải thống nhất với hợp đồng hoặc đơn đặt hàng, và nếu đúng vậy thì nghĩa vụ nợ với nhà cung cấp được ghi nhận. Tại khâu thẩm định, tài sản có và tài sản nợ của chính phủ được tăng lên và được ghi nhận trong sổ sách kế toán nếu quốc gia đó sử dụng hệ thống kế toán dồn tích hoặc dồn tích có điều chỉnh. Chi tiêu ở khâu thẩm định cần được hạch toán để tính toán số vay/cho vay ròng theo định nghĩa tại GFSM 2001.

Theo Luật ngân sách Nhà nước hiện hành không quy định về thẩm định dự toán ngân sách. Tuy nhiên, Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định về

thẩm định quyết toán ngân sách Nhà nước. Tại Khoản 8 Điều 44 Nghị định 163/2016/NĐ-CP thì trình tự quyết toán ngân sách nhà nước được quy định như sau:

a) Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước trước ngày 01 tháng 10 năm sau;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước báo cáo quyết toán ngân sách địa phương trước ngày 01 tháng 10 năm sau;

c) Bộ Tài chính thẩm định, xét duyệt báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương;

d) Căn cứ kết quả thẩm định, xét duyệt báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương và quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, Bộ Tài chính tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ và gửi Kiểm toán nhà nước chậm nhất là 14 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách;

đ) Trình tự, thủ tục thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội đối với quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước;

e) Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước chậm nhất là 18 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.

Trình tự quyết toán ngân sách nhà nước được quy định tại Nghị định 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

3. Đề nghị thanh toán

Đề nghị thanh toán được ban hành bởi cán bộ có thẩm quyền sau khi hàng hóa và dịch vụ đã được thẩm định, và đề nghị này được chuyển cho kế toán chịu trách nhiệm thực hiện thanh toán.

Đề nghị thanh toán chỉ được thực hiện sau khi thông tin về nhà cung cấp phải được quản lý và ghi nhận đầy đủ trên TABMIS trước khi làm thủ tục cam kết chi. Trường hợp nhà cung cấp chưa được quản lý trên TABMIS, thì thông tin về nhà cung cấp được ghi nhận khi thực hiện thanh toán.

Các chỉ tiêu thông tin nhà cung cấp được quản lý trên TABMIS bao gồm:
Thông tin chung: Thông tin chung về nhà cung cấp là thông tin được quản lý, sử dụng chung tại tất cả các đơn vị KBNN trong toàn quốc và bao gồm các chỉ tiêu sau:

- Thông tin TABMIS⁴ bắt buộc người sử dụng phải khai báo khi tạo mới/điều chỉnh thông tin: tên nhà cung cấp.

- Thông tin do TABMIS tự sinh, bao gồm: mã số nhà cung cấp được quản lý trên TABMIS; ngày tạo và ngày điều chỉnh thông tin chung; người tạo và người điều chỉnh thông tin chung. Các chỉ tiêu thông tin này do TABMIS tự sinh khi người sử dụng hoàn thành việc khai báo hoặc điều chỉnh thông tin chung về nhà cung cấp (riêng mã số nhà cung cấp được quản lý trên TABMIS sẽ không thay đổi khi người sử dụng điều chỉnh các chỉ tiêu thông tin chung).

- Thông tin TABMIS không bắt buộc người sử dụng phải khai báo, bao gồm: mã số thuế của nhà cung cấp; ngày hết hiệu lực thông tin chung về nhà cung cấp trên TABMIS (người sử dụng chỉ khai báo thông tin này khi có yêu cầu).

Thông tin chi tiết: Thông tin chi tiết về nhà cung cấp được quản lý tại từng đơn vị KBNN và bao gồm các chỉ tiêu sau:

- Thông tin bắt buộc người sử dụng phải khai báo khi tạo mới thông tin chi tiết nhà cung cấp, bao gồm: mã KBNN nơi tạo điểm nhà cung cấp; địa chỉ nhà cung cấp; tên và mã ngân hàng (mã 8 số do Ngân hàng Nhà nước quy định) nơi nhà cung cấp mở tài khoản; số hiệu tài khoản của nhà cung cấp tại từng ngân hàng; loại tiền tương ứng với từng tài khoản của nhà cung cấp tại ngân hàng. Các chỉ tiêu thông tin này (trừ địa chỉ nhà cung cấp) phải được điều chỉnh kịp thời mỗi khi có sự thay đổi.

⁴ Thông tin quản lý ngân sách và kho bạc được quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012.

- Thông tin do TABMIS tự sinh, bao gồm: ngày tạo và ngày điều chỉnh thông tin chi tiết về nhà cung cấp; người tạo và người điều chỉnh thông tin chi tiết về nhà cung cấp. Các chỉ tiêu thông tin này do TABMIS tự sinh khi người sử dụng hoàn thành việc khai báo hoặc điều chỉnh thông tin chi tiết về nhà cung cấp.

- Thông tin không bắt buộc người sử dụng phải khai báo: ngày hết hiệu lực điểm nhà cung cấp (người sử dụng chỉ khai báo thông tin này khi có yêu cầu

4. Quyết toán

Quyết toán ngân sách là bước cuối cùng trong chu trình ngân sách nhằm tổng kết, đánh giá về hiệu quả việc thực ngân sách Nhà nước trong năm tài khóa. Đây là bước quan trọng đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước và cũng như

Quyết toán NSNN là khâu cuối cùng trong một chu trình ngân sách nhằm tổng kết, đánh giá việc thực hiện ngân sách cũng như các chính sách ngân sách của năm ngân sách đã qua. Với hàm nghĩa đó, quyết toán NSNN trở thành một khâu quan trọng, là nhiệm vụ của nhiều cơ quan, đơn vị từ đơn vị sử dụng ngân sách, các cấp ngân sách đến các cơ quan quản lý ngân sách, cơ quan kiểm tra kiểm soát ngân sách cho đến cơ quan quyền lực tối cao của mỗi quốc gia là Quốc hội (hay Nghị viện).

Điều 65 Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định số liệu quyết toán ngân sách nhà nước phải chính xác, trung thực, đầy đủ. Các số quyết toán thu ngân sách nhà nước là số thu đã thực nộp và số thu đã hạch toán thu ngân sách nhà nước theo quỹ định. Các khoản thu thuộc ngân sách các năm trước nộp ngân sách năm sau phải hạch toán vào thu ngân sách năm sau. Số quyết toán chi ngân sách nhà nước là số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước theo quỹ định. Các số liệu quyết toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách, của chủ đầu tư và của ngân sách các cấp phải được đối chiếu, xác nhận với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

Bên cạnh đó, nội dung báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán ngân sách nhà nước được giao và theo mục

lục ngân sách nhà nước. Báo cáo quyết toán của ngân sách cấp huyện, cấp xã không được quyết toán chi ngân sách lớn hơn thu ngân sách.

Đối với báo cáo quyết toán của đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán cấp trên, ngân sách các cấp phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả chi ngân sách gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, địa phương, lĩnh vực, chương trình, mục tiêu được giao phụ trách.

Đối với báo cáo quyết toán của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của quỹ. Ngoài ra, những khoản thu ngân sách nhà nước không đúng quy định của pháp luật phải được hoàn trả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đã nộp; những khoản thu ngân sách nhà nước nhưng chưa thu phải được truy thu đầy đủ cho ngân sách; những khoản chi ngân sách nhà nước không đúng với quy định của pháp luật phải được thu hồi đủ cho ngân sách.

Ở các nước có nền tài chính công phát triển, việc quyết toán ngân sách được xem là khâu thanh toán cuối cùng trong chu trình ngân sách. Khâu thanh toán (bản thân nó đã rõ ràng) diễn ra khi hóa đơn được thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển tiền điện tử. Thanh toán bằng séc hoặc chuyển tiền được ghi chép tại hầu hết các quốc gia vào thời điểm phát hành séc hoặc chuyển tiền. Nhưng khâu này cần được thẩm định bằng cách so sánh giữa sổ sách kế toán và bảng kê ngân hàng. Thực chất việc so sánh đó cần được thực hiện một cách có hệ thống ít nhất hàng tháng. Đáng tiếc là không phải quốc gia đang phát triển nào cũng so sánh một cách đều đặn và có hệ thống. Tại các quốc gia có hệ thống kế toán tiền mặt, chi tiêu ngân sách chỉ được công nhận và hạch toán trong sổ sách ở khâu thanh toán này. Có hai loại hệ thống thanh toán chính là vốn được chuyển bởi kho bạc hoặc vụ kế toán công của Bộ Tài chính vào tài khoản ngân hàng của đơn vị chi tiêu để thực hiện thanh toán; hoặc thanh toán được thực hiện trực tiếp qua tài khoản kho bạc duy nhất (TSA).

Hệ thống chi tạm ứng được sử dụng tại nhiều nước cho các khoản chi tiêu nhỏ lẻ và đôi khi sử dụng cho tất cả các loại giao dịch. Nguyên tắc về tài khoản chi tạm ứng là số dư chưa chi tiêu, cho dù là tiền mặt nắm giữ hoặc tiền gửi ngân hàng, cộng với giá trị tiền đã chi trả, phải luôn bằng giá trị tiền tạm ứng. Khoản chi tạm ứng ban đầu được cơ quan kho bạc cung cấp. Sau đó, chi tiêu từ

tài khoản chi vật sẽ được kho bạc hoàn ứng sau khi nhận được bảng kê tài khoản cho biết về sử dụng số tiền tạm ứng trước đó. Quy trình hoàn ứng phân bổ chi tiêu theo dự toán được giao.

Mặc dù hệ thống chi tạm ứng hỗ trợ quản lý các khoản chi tiêu như chỉ công tác phí, chi tiêu của các đơn vị tại vùng sâu vùng xa, trong hầu hết các trường hợp khác ưu điểm của hệ thống chi tạm ứng không tương xứng với những rủi ro và bất tiện. Các hệ thống chi tạm ứng, cũng như các hệ thống khác nhằm chuyển tiền trước vào tài khoản ngân hàng của các đơn vị chi tiêu, dẫn đến hình thành nhiều số dư tồn ngân nhàn rỗi trong các tài khoản ngân hàng của chính phủ. Các số dư nhàn rỗi này làm tăng nhu cầu vay nợ của chính phủ, dẫn đến việc phải vay để tài trợ cho việc thanh toán của một số đơn vị chi tiêu mặc dù các đơn vị khác vẫn còn thừa ngân quỹ nhàn rỗi. Đồng thời, tại những nơi có nhiều tài khoản ngân hàng của các bộ, công tác báo cáo và kiểm soát thường yếu kém và rủi ro quản lý yếu kém thường cao.

Hệ thống tài khoản kho bạc duy nhất có mục đích nhằm giải quyết những yếu kém đó. Tài khoản kho bạc duy nhất là một tài khoản hoặc một hệ thống tài khoản kết nối với nhau, qua đó chính phủ thực hiện các giao dịch thanh toán. Trong khái niệm chung về tài khoản kho bạc duy nhất, có nhiều phương pháp khác nhau để quản lý giao dịch và tập trung dòng tiền.

TTBD ĐBDC

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cadot O, M. Maliszewska and S. Saez. 2011. "Nontariff Measures: Impact, Regulation, and Trade Facilitation," in G. McLinden, E. Fanta, D. Widdowson and T. Doyle (eds) Border Management Modernization, Washington, DC: World Bank.

2. De Wulf, L and others. 2009. Economic Integration in the Euro-Mediterranean Region, available at http://www.case.com.pl/strona_ID-1445,publicacja_id-27616965,nlang-710.html.

Washington, DC World Bank .

3. De Wulf, L and J. Sokol (eds) 2005. Customs Modernization Handbook. Washington, DC: cong dich g làm an là World Bank

4. Goorman, A. and L. De Wulf. 2005. "Customs Valuation in Developing Countries and the World Trade Organization Valuation Rules," in L. De Wulf and J. Sokol (eds) Customs Modernization Handbook. Washington, DC: World Bank.

5. Mathur, V. (ed.). 2006. Reforming the Regulatory Procedures for Imports and Exports: A Practitioners Guide. Washington, DC: World Bank

6. Mikuriya, K. 2005. "Legal Framework for Customs Operations and Enforcement Issues," in L De Wulf and J. Sokol (eds) Customs Modernization Handbook. Washington, DC: World Bank.

7. United Nations. 2005. Economic Commission for Europe, Recommendation and Guidelines in Establishing a Single Window. New York: United Nations.